

Số 650 /BC-ODA

Hà Tĩnh, ngày 07 tháng 07 năm 2015

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả thực hiện quý II và kế hoạch triển khai quý III năm 2015 Dự án Hỗ trợ Nông nghiệp Cacbon thấp, tỉnh Hà Tĩnh**

Kính gửi: Ban Quản lý Dự án Hỗ trợ Nông nghiệp Các bon thấp Trung ương.

Thực hiện chỉ đạo của Ngân hàng Phát triển Châu á (ADB) và Ban quản lý Dự án Hỗ trợ Nông nghiệp Các bon thấp Trung ương, Ban Quản lý các dự án ODA ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Tĩnh – Dự án hỗ trợ nông nghiệp Cacbon thấp báo cáo kết quả thực hiện Quý II và kế hoạch triển khai Quý III năm 2015 như sau:

#### **I. Các hoạt động đã triển khai trong quý II năm 2015**

##### **Hợp phần 1: Quản lý chất thải chăn nuôi**

##### ***Tiểu hợp phần 1.1. Quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi và phát triển Cơ chế phát triển sạch (CDM)***

1. Hoạt động tập huấn đào tạo giáo viên (TOT), KTV về công nghệ khí sinh học và quản lý chất thải chăn nuôi an toàn: Trong Quý II/2015 không tổ chức.

2. Hoạt động tập huấn cho thợ xây và lắp đặt công trình khí sinh học: Trong Quý II/2015 chưa tổ chức thực hiện.

3. Hoạt động tập huấn cho người nông dân về vận hành công trình khí sinh học, quản lý chất thải chăn nuôi an toàn cho người nông dân:

- Trong Quý II/2015 tổ chức 17 lớp tập huấn tại các huyện: Hương Sơn, Đức Thọ, Can Lộc, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh, Hương Khê, Thạch Hà, Nghi Xuân. Tổng số lượng hộ dân tham gia là hơn 750 hộ, trong đó số lượng nữ 444 người, chiếm tỷ lệ 59,2%.

- Cán bộ Dự án phối hợp kỹ thuật viên Trung tâm ứng dụng Khoa học kỹ thuật và Bảo vệ cây trồng vật nuôi các huyện, thị, thành phố tổ chức tư vấn trực tiếp tại các hộ dân có đơn đăng ký xây dựng công trình Khí sinh học.

3. Hoạt động phổ biến các thể chế chính sách, tiêu chuẩn về công nghệ khí sinh học, quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi, cơ chế phát triển sạch trong chăn nuôi:

- Tiếp tục tuyên truyền, tổ chức khảo sát và tư vấn đến từng hộ dân có đơn đăng ký về thể chế chính sách hỗ trợ, các tiêu chuẩn về công nghệ KSH, quy trình xây lắp, vận hành có hiệu quả các công trình KSH, quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi;

- Tiến hành tổ chức tập huấn cho hộ dân trước khi tham gia xây dựng công trình KSH, phát các tài liệu, tờ rơi hướng dẫn người dân về quy trình xây lắp, vận hành có hiệu quả công trình KSH.

4. Hoạt động thăm quan học tập trong nước trao đổi kinh nghiệm nghiên cứu về công nghệ khí sinh học và quản lý chất thải chăn nuôi:

- Trong quý II năm 2015 chưa tổ chức thực hiện.

### **Tiểu hợp phần 1.2. Hỗ trợ phát triển các công trình khí sinh học**

1. Hoạt động lựa chọn các hộ chăn nuôi sẽ xây dựng công trình khí sinh học quy mô nhỏ, vừa và lớn:

- Phổ biến đến từng địa phương và người dân về tiêu chí lựa chọn hộ, vị trí xây dựng và hướng dẫn quy trình xây dựng công trình KSH quy mô nhỏ theo nội dung Văn bản số 153/ODA-KTGS ngày 07/3/2014 của Ban Quản lý các dự án ODA ngành Nông nghiệp và PTNT.

2. Hoạt động lựa chọn trang trại để xây dựng mô hình trình diễn chăn nuôi:

- Quý II năm 2015 chưa tổ chức thực hiện.

3. Hoạt động xây dựng công trình khí sinh học và hỗ trợ tài chính cho người nông dân:

- Trong quý II năm 2015 đã xây lắp được thêm 451 công trình KSH nâng tổng số công trình đã xây lắp trên địa bàn toàn tỉnh lên 2.330 công trình; quý II đã nghiệm thu và hỗ trợ tài chính cho 324 công trình và hiện đang tiếp tục công tác nghiệm thu để hỗ trợ tài chính kịp thời cho hộ dân có công trình KSH xây lắp đã hoàn thành.

4. Hoạt động hỗ trợ kỹ thuật xây dựng công trình khí sinh học:

- Tất cả các hộ dân nông dân có đơn đăng ký xây lắp công trình KSH đều được Dự án tổ chức tập huấn kỹ thuật và cấp chứng chỉ trước khi tiến hành xây lắp, vận hành công trình KSH;

- Kỹ thuật viên của Dự án trực tiếp đi kiểm tra, giám sát trong suốt quá trình xây lắp công trình KSH.

5. Tình hình xây dựng mô hình ống dẫn ga dùng chung cho nhóm hộ nông dân: Trong Quý II năm 2015 chưa thực hiện.

*(Chi tiết xem tại phụ lục 1, 2)*

### **Hợp phần 2. Các hoạt động phối hợp với Ngân hàng Nông nghiệp và Ngân hàng Hợp tác xã trong việc triển khai gói tín dụng.**

1. Các hoạt động phối hợp với Ngân hàng tuyên truyền cho người dân có nhu cầu xây dựng công trình KSH tiếp cận với nguồn vốn tín dụng:

- Trong Quý II năm 2015 đã làm việc với các Ngân hàng để đưa ra phương án tuyên truyền và quy trình thực hiện nguồn vốn vay nếu các hộ dân có nhu cầu vay vốn xây dựng công trình KSH.

2. Các hoạt động kiểm tra giám sát việc cho vay và sử dụng đúng mục đích của ngân hàng cũng như người dân:

- Chưa thực hiện trong Quý II năm 2015

### **Hợp phần 3. Chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp**

#### **Tiểu hợp phần 3.2. Xây dựng các mô hình nông nghiệp các bon thấp**

1. Tổ chức 01 cuộc hội thảo Đã tổ chức hội thảo xác định nhu cầu xây dựng và lựa chọn mô hình trình diễn quản lý chất thải chăn nuôi với các đơn vị chuyên ngành cấp tỉnh, Phòng Nông nghiệp và Trung tâm ứng dụng KHKT và BVCTVN. Hiện đã lựa chọn ra 09 mô hình trình diễn do các huyện đề xuất.

2. Hoạt động đào tạo cán bộ khuyến nông/nông dân chủ chốt làm các hạt nhân thúc đẩy, đưa công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp vào ứng dụng trên địa bàn: Chưa thực hiện trong Quý II năm 2015

3. Hoạt động đào tạo nông dân thông qua các mô hình sẵn có để đào tạo: Chưa thực hiện Quý II năm 2015

4. Hoạt động thực hiện các mô hình nhân rộng: Chưa thực hiện trong Quý II năm 2015.

*(Chi tiết tại phụ lục 3)*

### **Hợp phần 4: Chi quản lý dự án**

- Chi lương và phụ cấp cho Ban QLDA tỉnh Quý II năm 2015: 151 triệu đồng;

- Chi phí hoạt động cho Ban QLDA tỉnh Quý II năm 2015: 110 triệu đồng.

*(Chi tiết tại phụ lục 4)*

## **II. KẾT QUẢ GIẢI NGÂN:**

Kết quả giải ngân 1,588 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn ODA: 1,437 tỷ đồng; nguồn vốn đối ứng: 151 triệu đồng.

*(Chi tiết tại phụ lục 4)*

## **III. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI QUÝ III NĂM 2015**

**1. Công tác tổ chức:** Trong Quý III, tuyển chọn 2 kỹ sư chuyên ngành Chăn nuôi, Trồng trọt để chỉ đạo thực hiện các mô hình sản xuất nông nghiệp Các bon thấp.

### **2. Nghiệp vụ chuyên môn:**

#### **Hợp phần 1: Quản lý chất thải chăn nuôi**

- Tiếp tục công tác tuyên truyền, khảo sát, tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cho các hộ dân có đơn đăng ký xây lắp các công trình KSH tại hộ gia đình;

- Tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn cho hộ nông dân có đơn đăng ký trước khi tham gia xây lắp công trình KSH;

- Tổ chức đào tạo tập huấn 01 lớp thợ lắp đặt các công trình KSH;
- Tổ chức 01 chuyến tham quan học tập kinh nghiệm xây lắp công trình KSH quy mô vừa và lớn tại các tỉnh khu vực phía Bắc;

### **Hợp phần 2: Tín dụng cho chuỗi giá trị sinh học**

- Tiếp tục làm việc với các Ngân hàng về việc triển khai gói tín dụng chuỗi giá trị sinh học, tháo gỡ các vướng mắc và hoàn thiện các quy trình để các hộ dân có thể tiếp cận với nguồn vốn vay.

### **Hợp phần 3: Chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp Các bon thấp**

- Tổ chức 01 chuyến tham quan học tập kinh nghiệm xây lắp công trình KSH quy mô vừa và lớn tại các tỉnh dự án phía Bắc;
- Lựa chọn 01 mô hình trình diễn quản lý chất thải chăn nuôi cho sản xuất nông nghiệp.
- Quyết toán Dự án năm 2014 khi Ban Quản lý dự án Trung ương có lịch làm việc.

## **IV. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN, KIẾN NGHỊ**

### **1. Thuận lợi:**

- Trong quá trình triển khai thực hiện luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo từ UBND tỉnh, Ban Quản lý dự án Trung ương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Sau hơn 1 năm triển khai thực hiện, với lợi ích và hiệu quả mang lại về mặt kinh tế và môi trường, Dự án đã được người dân đón nhận tích cực và số lượng hộ dân tham gia xây lắp công trình KSH không ngừng tăng;
- Ban Quản lý dự án đúc rút được nhiều kinh nghiệm sau năm đầu triển khai thực hiện Dự án.

### **2. Khó khăn:**

- Trong Quý II năm 2015 thời tiết xảy ra nhiều đợt nắng nóng gay gắt, không thuận lợi cho việc xây dựng các công trình KSH;
- Số lượng kỹ thuật viên hạn chế trong khi số lượng công trình khí sinh học xây lắp lớn nên một số huyện gặp khó khăn trong thực hiện;
- Việc khắc mã dự án trên công trình KSH còn gặp nhiều khó khăn;
- Hợp phần 2 “tín dụng cho chuỗi giá trị sinh học” triển khai chậm, thiếu sự phối hợp;
- Việc triển khai xây dựng công trình KSH quy mô vừa và lớn chưa có hướng dẫn quy trình kỹ thuật;
- Chưa có tài liệu tập huấn, đào tạo cán bộ khuyến nông, nông dân chủ chốt làm hạt nhân thúc đẩy, đưa công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp vào ứng dụng trên địa bàn.

### 3. Kiến nghị:

- Quan tâm bổ sung nguồn kinh phí tập huấn hộ dân về xây lắp, vận hành công trình KSH và quản lý chất thải chăn nuôi cho tỉnh Hà Tĩnh;
- Sớm ban hành phần mềm quản lý thực hiện Dự án;
- Tổ chức quyết toán tài chính năm 2014;
- Thống nhất quy định khắc mã dự án trên công trình KSH bằng tấm nhựa mika, đảm bảo độ bền lâu và mỹ thuật.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Quý II và kế hoạch triển khai Quý III năm 2015 – Dự án Hỗ trợ nông nghiệp Các bon thấp; Ban quản lý các dự án ODA ngành Nông nghiệp và PTNT Hà Tĩnh báo cáo Ban quản lý dự án Trung ương được biết, chỉ đạo. *thul*

#### Nơi nhận:

- Ban Quản lý dự án Trung ương LCASP;
- Giám đốc Sở, Phó Giám đốc Sở phụ trách;
- Giám đốc dự án “LCASP”;
- Lưu: VT, KHĐT. *var*



**GD Dự án Hỗ trợ NN Các bon thấp**  
**Nguyễn Xuân Hoan**

**Phụ lục 1: Bảng tổng hợp kết quả tham quan, hội thảo,  
tập huấn về quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi Quý II/2015**

| Nội dung                                                                                                                 | Số lượng<br>(cuộc/lớp) | Số ngày<br>(cuộc/lớp) | Số người tham gia |            |             |          |          |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|-------------------|------------|-------------|----------|----------|
|                                                                                                                          |                        |                       | T. Số             | Nữ         |             | DTTS     |          |
|                                                                                                                          |                        |                       |                   | SL         | %           | SL       | %        |
| Tập huấn đào tạo giáo viên (TOT), KTV.                                                                                   |                        |                       |                   |            |             |          |          |
| Tập huấn xây và lắp đặt công trình khí sinh học đúng tiêu chuẩn kỹ thuật                                                 |                        |                       |                   |            |             |          |          |
| Tập huấn cho người nông dân về vận hành công trình khí sinh học, quản lý chất thải chăn nuôi an toàn cho người nông dân, | 17                     | 01                    | 750               | 444        | 59,2        | 0        | 0        |
| Các cuộc hội thảo về phổ biến các thể chế chính sách, tiêu chuẩn                                                         |                        |                       |                   |            |             |          |          |
| Các chuyến thăm quan trong nước.                                                                                         |                        |                       |                   |            |             |          |          |
| <b>Tổng số</b>                                                                                                           | <b>17</b>              | <b>17</b>             | <b>750</b>        | <b>444</b> | <b>59,2</b> | <b>0</b> | <b>0</b> |

TIỀN A  
 LÝ  
 N ODA  
 NH  
 PTINT  
 HNLA

**Phụ lục 2: Kết quả xây dựng/lắp đặt công trình khí sinh học Quý II năm 2015**

| Nội dung       | Số hộ đăng ký xây/ lắp công trình | Số công trình đang xây/lắp đặt | Quy mô công trình | Lũy kế thực hiện |
|----------------|-----------------------------------|--------------------------------|-------------------|------------------|
| KT1            |                                   |                                |                   | 35               |
| KT2            |                                   |                                |                   | 336              |
| Composite      |                                   |                                |                   | 1.959            |
| <b>Tổng số</b> | <b>786</b>                        | <b>451</b>                     | <b>Nhỏ</b>        | <b>2.330</b>     |

**Phụ lục 3: Bảng tổng hợp kết quả hội thảo, tập huấn về công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp Quý II năm 2015**

| Nội dung                                                                                            | Số lượng (cuộc/lớp) | Số ngày (cuộc/lớp) | Số người tham gia |           |          |          |          |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------|-------------------|-----------|----------|----------|----------|
|                                                                                                     |                     |                    | T. Số             | Nữ        |          | DTTS     |          |
|                                                                                                     |                     |                    |                   | SL        | %        | SL       | %        |
| Hội thảo xác định nhu cầu xây dựng và lựa chọn mô hình trình diễn sản xuất nông nghiệp Các bon thấp | 01                  | 02                 | 61                | 03        | 5        | 0        | 0        |
| <b>Tổng số</b>                                                                                      | <b>01</b>           | <b>02</b>          | <b>61</b>         | <b>03</b> | <b>5</b> | <b>0</b> | <b>0</b> |

**Phụ lục 4: Báo cáo tình hình tài chính của dự án Quý II năm 2015**

Đơn vị: VND

| STT        | Nội dung                                                               | Dự toán năm 2015 |                  |              | Tình hình trao thầu Quý II |     |          | Tình hình giải ngân Quý II/2015 |              |                | Lũy kế tình hình giải ngân từ đầu dự án đến hết Quý II/2015 |                  |                |
|------------|------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|--------------|----------------------------|-----|----------|---------------------------------|--------------|----------------|-------------------------------------------------------------|------------------|----------------|
|            |                                                                        | Tổng             | ADB              | CP VN        | Tổ<br>ng                   | ADB | CP<br>VN | Tổng                            | ADB          | CPVN           | Tổng                                                        | ADB              | CPVN           |
| Hợp phần 1 | Quản lý chất thải chăn nuôi                                            | 4,888            | 4,888            |              |                            |     |          | 1.227                           | 1.227        |                | 6.633,674                                                   | 6.633,674        |                |
| HP1.1      | Quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi và phát triển thị trường các bon | 690,885          | 690,885          |              |                            |     |          | 211                             | 211          |                | 1.147,577                                                   | 1.147,577        |                |
| HP1.2      | Hỗ trợ phát triển công trình khí sinh học                              | 4.197,925        | 4.197,925        |              |                            |     |          | 1.016                           | 1.016        |                | 5.486,097                                                   | 5.486,097        |                |
| Hợp phần 3 | Chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp                | 1.335,5          | 1.263,5          | 72           |                            |     |          | 50                              | 50           |                | 180,772                                                     | 109,152          | 71,620         |
| HP3.1      | Thúc đẩy ứng dụng nông nghiệp các bon thấp                             | 72               |                  | 72           |                            |     |          |                                 |              |                | 130,772                                                     | 59,152           | 71,620         |
| HP3.2      | Xây dựng các mô hình nông nghiệp các bon thấp                          | 1.263,5          | 1.263,5          |              |                            |     |          | 50                              | 50           |                | 50                                                          | 50               |                |
| Hợp phần 4 | Quản lý dự án                                                          |                  |                  |              |                            |     |          | 261,092                         | 110          | 151,092        | 1.604,997                                                   | 892,261          | 712,736        |
| HP4.1      | Chi thanh toán cá nhân                                                 | 1.028            |                  | 1.028        |                            |     |          | 151,092                         |              | 151,092        | 712,736                                                     |                  | 712,736        |
| HP4.2      | Chi phí thường xuyên                                                   | 710              | 710              |              |                            |     |          | 110                             | 110          |                | 892,261                                                     | 892,261          |                |
|            | <b>Tổng cộng</b>                                                       | <b>8.307,330</b> | <b>7.207,330</b> | <b>1.100</b> |                            |     |          | <b>1.538,092</b>                | <b>1.387</b> | <b>151,092</b> | <b>8.419,443</b>                                            | <b>7.635,087</b> | <b>784,356</b> |